

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠN DÀI
(Từ ngày 01 đến 28/02/2023)

1. Tây Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Đà đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN là 27%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 15-30mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Đà đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN là 26%.

2. Việt Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-15mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Lô tại Tuyên Quang thấp hơn TBNN 51%; trên sông Thao tại Yên Bái thấp hơn TBNN là 76%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-30mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Lô tại Tuyên Quang thấp hơn TBNN 35%; trên sông Thao tại Yên Bái thấp hơn TBNN là 79%.

3. Đông Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 15-40mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Cầu Gia Bảy thấp hơn 26% so với TBNN; trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn 46% so với TBNN
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 25-40mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Cầu Gia Bảy có khả năng ở mức thấp hơn 13% so với TBNN; trên sông Lục Nam tại Chũ có khả năng ở mức thấp hơn 25% so với TBNN

4. Đồng Bằng Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-25mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội thấp hơn 11% so với TBNN
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 25-40mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội có khả năng ở mức 2540 triệu m ³ , cao hơn 10% so với TBNN

5. Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa và Nghệ An phổ biến 10-30mm, có nơi cao hơn; Hà Tĩnh: 200-300mm, riêng Hương Sơn, Hương Khê: 50-70mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 01, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng 01, trên sông Mã tại Cẩm Thủy xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 7%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 39%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 13%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía bắc từ 15-30mm, riêng tại Hà Tĩnh: 50-100mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Tổng lượng dòng chảy tháng 02, trên sông Mã tại Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 5%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 15%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn 25%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn 9%.

6. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Quảng Bình - Quảng Trị phổ biến từ 50-100mm, có nơi cao hơn; Thừa Thiên Huế - Quảng Ngãi phổ biến 150-300mm, một số nơi cao hơn như Trà My (Quảng Nam) 357mm, Nam Đông (Thừa Thiên Huế) 366mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 01, trên thượng nguồn các sông từ nam Quảng Bình đến Quảng Ngãi xuất hiện 2 đợt dao động, mực nước các sông khác biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn so với TBNN cùng kỳ 352%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) và trên sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn từ 80-88%.

<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-70mm, có nơi cao hơn
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 02, dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi ít thay đổi và giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn so với TBNN cùng kỳ 318%, sông Thu Bồn và sông Trà Khúc cao hơn từ 56-93%

7. Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 60-120mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông An Lão (Bình Định), sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) có dao động, các sông khác ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão cao hơn 139% so với TBNN, sông Ba cao hơn 12%, sông Cái Nha Trang cao hơn 71%, sông Lũy cao hơn 42% và sông La Ngà thấp hơn 87%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-60mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm với xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba thấp hơn 27% so với TBNN, sông Cái Nha Trang cao hơn 30% so với TBNN.

8. Tây Nguyên

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-50mm, có nơi cao hơn, đặc biệt MĐrắk đo được 166mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong nửa đầu tháng 01, mực nước sông Krông Ana lên sau đó biến đổi chậm rồi xuống dần; các sông khác phổ biến dao động theo điều tiết hồ chứa thủy điện. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 35%, trên sông Krông Ana tại Giang Sơn cao hơn 45%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-40mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 33%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn cao hơn 88%.

9. Nam Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-50mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi với xu thế giảm dần
--

<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-50mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi với xu thế giảm dần và ở mức cao hơn TBNN từ 7-10%.
--

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/3

Tin phát lúc: 15h00'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Bùi Đình Lập - Phùng Tiến Dũng

Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chínhĐơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Đà	Hồ Hòa Bình	W	1879	> 27%	1403	> 26%
Thao	Yên Bái	W	200	< 76%	120	< 79%
Lô	Tuyên Quang	W	391	< 51%	400	< 35%
Cầu	Gia Bảy	W	33,7	< 26%	29	< 13%
Lục Nam	Chũ	W	10	< 46%	7,3	< 25%
Hồng	Hà Nội	W	2398	< 11%	2540	> 10%
Mã	Cẩm Thủy	W	415	~ TBNN	310	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	W	570	< 8%	411	< 15%
La	Hòa Duyệt	W	168	< 14%	116	< 9%
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	123	> 352%	62	> 318%
Thu Bồn	Nông Sơn	W	1339	> 80%	576	> 56%
Trà Khúc	Sơn Giang	W	932	> 88%	486	> 93%
Ba	Cung Sơn	W	461	> 12%	145	< 27%
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	W	256	> 70%	97	> 30%
ĐăkBlá	KonTum	W	103	< 35%	65	< 33%
Srêpôk	Giang Sơn	W	257	> 45%	133	> 88%
Tiền	Tân Châu	W			10606	> 10%
Hậu	Châu Đốc	W			1698	> 7%